

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Nguyên
2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông
Võ Ngọc Mên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2021/TLST-HS, ngày 29 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 29/2021/TB-TA, ngày 09 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn C, sinh năm 1992 tại L, A. Nơi đăng ký thường trú: Số 9, đường số 4, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn L và bà Trần Thị D; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị D, sinh năm 1998. Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án: Ngày 30 tháng 11 năm 2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử sơ thẩm xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến ngày 01 tháng 9 năm 2020 chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ tại phường M, thành phố L, đi học hết lớp 4 thì nghỉ học; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16 tháng 5 năm 2021 đến nay tại nhà tạm giữ Công an thành phố L. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lâm Kỳ P, sinh năm 1998 tại L, A. Nơi đăng ký thường trú: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lâm Điền N (chết) và

bà Nguyễn Thị L. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ tại xã V, huyện T, đi học hết lớp 6 thì nghỉ học; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16 tháng 5 năm 2021 đến nay tại nhà tạm giữ Công an thành phố L. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Dương Thị Trúc L, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh A. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Dương Thị Trúc P, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh A. Có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Trần Văn P, sinh năm 1998. Địa chỉ: khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh A. Vắng mặt.

3. Ông Võ Văn L, sinh năm 1955. Địa chỉ: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 14 tháng 5 năm 2021, Võ Văn C rủ Lâm Kỳ P đi tìm tài sản lấy trộm thì P đồng ý. Thực hiện ý định này, L đưa cho P 01 cây đoản (công cụ bẻ khóa xe mô tô) rồi điều khiển xe mô tô biển số 67AA-036.29 chở P đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đi qua Công ty Biochen Việt Á ở khóm Đ, phường M, thành phố L thấy cửa Công ty không khóa, bên trong có dựng chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 67D1-027.11 của chị Dương Thị Trúc L nhưng không thấy người trông giữ. Lợi dụng sơ hở này, P kêu C dừng lại để P vào dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe mô tô này điều khiển về nhà P ở khóm T, phường M, thành phố L cất giấu. Đến khoảng 17 giờ ngày 15 tháng 5 năm 2021, C đến nhà P lấy xe mô tô 67D1-027.11 điều khiển đến phường M, thành phố L cầm cho Trần Văn P với số tiền 1.000.000 đồng nhưng không cho P biết xe do các bị cáo phạm tội mà có. Số tiền này, C và P chia nhau tiêu xài và mua ma túy của người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ ở phường M để sử dụng.

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 16 tháng 5 năm 2021, Công an phường B, thành phố L trên đường tuần tra phát hiện xe mô tô 67D1-027.11 đậu sát lề đường thuộc tổ 10, khóm B, phường B nên thu giữ và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L.

Ngày 16 tháng 5 năm 2021, C và P đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L đầu thú.

* Vật chứng và tài sản thu giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành

án dân sự thành phố L, gồm: 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh rêu; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu trắng hồng; 01 (một) quần sọt Jean, màu xám bạc; 01 (một) gương chiếu hậu xe máy màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen; 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Savi, màu đỏ, biển số 67AA-036.29, số khung B1YPC1004560, số máy 139FMB004560; 01 (một) ống điều chỉnh chữ L Rebel 8 ly, dài 165 mm.

* Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 118/KL.HĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, xác định: 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda Air Blade Việt Nam, loại xe tay ga, màu nâu đen bạc, số máy JF27E0701162, số khung RLHJF2703BY000793, dung tích xilanh 110cm³, biển số 67D1-027.11, trị giá 14.500.000 đồng.

* Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 16 tháng 5 năm 2021, ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh A ghi nhận như sau:

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu nâu đen bạc, số máy JF27E0701162, số khung RLHJF2703BY000793, biển số 67D1-027.11, chủ xe là Dương Thị Trúc P, địa chỉ: Tổ 4, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh A.

- Xe mô tô nhãn hiệu Savi, màu sơn đỏ, số máy RNB139FB004560, số khung RNBWCB1YPC1004560, biển số 67AA-036.29, chủ xe là Trần Ngọc S, địa chỉ: Số 74/23, khóm L, phường M, thành phố L.

* Kết luận Giám định số 104 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh A, kết luận: Xe mô tô biển số 67AA-036.29, có số khung RNBWCB1YPC1004560 bị cắt hàn, số máy RNB139FB004560 không bị đục sửa, không bị cắt hàn, không bị hoen gỉ, không bị tẩy xóa.

Cáo trạng số: 90/CT-VKS, ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố Võ Văn C và Lâm Kỳ P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn C từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lâm Kỳ P từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Buộc các bị cáo liên đới nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu xanh rêu; 01 quần sọt Jean, màu xám bạc; 01 gương chiếu hậu xe máy màu đen; 01 nón bảo hiểm màu đỏ; 01 áo sơ mi tay dài màu đen; 01 ống điều chữ L Rebel 8 ly, dài 165 mm.

- Trả lại cho ông Võ Văn C 01 xe mô tô, nhãn hiệu Savi, màu đỏ, biển số 67AA-036.29, số khung B1YPC1004560, số máy 139FMB004560.

- Trả lại cho bị cáo Lâm Kỳ P 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu trắng hồng.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Dương Thị Trúc L đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Võ Văn C, Lâm Kỳ P khai nhận lợi dụng sơ hở của chị Dương Thị Trúc L trong việc trông coi tài sản để lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 67D1-027.11 như nội dung Cáo trạng truy tố. Các bị cáo thống nhất ý kiến phát biểu luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, không có ý kiến tranh luận, không bào chữa. Các bị cáo ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được sớm đoàn tụ gia đình, làm ăn lương thiện.

Chị Dương Thị Trúc L, Dương Thị Trúc P trình bày: Ngày 14 tháng 5 năm 2021, chị L dựng xe mô tô biển số 67D1-027.11 trong Công ty Biochen Việt Á thì bị mất như nêu trên. Xe mô tô này của chị Dương Thị Trúc P cho chị L mượn sử dụng. Chị L đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Anh Trần Văn P trình bày: Ngày 15 tháng 5 năm 2021, Võ Văn C đem xe mô tô, loại xe Air Blade, biển số 67D1-027.11 đến cầm 1.000.000 đồng, anh không biết xe do các bị cáo phạm tội mà có. Ngày 16 tháng 5 năm 2021 Công an mời làm việc, vì sợ liên quan đến việc cầm xe các bị cáo lấy trộm nên anh đem xe mô tô 67D1-027.11 dựng ở lề đường thuộc tổ 10, khóm B, phường B. Đối với số tiền cầm xe 1.000.000 đồng, anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Ông Võ Văn L (cha bị cáo Võ Văn C), trình bày: Khoảng tháng 12 năm 2020 ông mua xe mô tô biển số 67AA-036.29 của chị S nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 14 tháng 5 năm 2021 ông cho C mượn xe mô tô này sử dụng. Ông không biết C sử dụng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội, ông yêu cầu được nhận lại xe.

Anh Trần Ngọc S, chị Lê Thị Hồng S, trình bày: Năm 2020 anh cầm xe mô tô biển số 67AA-036.29 cho chị S nhưng không có khả năng chuộc lại xe. Sau đó, chị Sen bán xe này cho ông Võ Văn L với giá 7.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng quy định pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiêu nại, không có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, riêng chị Dương Thị Trúc L, Dương Thị Trúc P có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình điều tra đã thu thập lời khai của bị hại và người liên quan, nên sự vắng mặt của bị hại, người liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án. Xét thấy, bị hại và người liên quan đã cung cấp lời khai phù hợp nội dung vụ án và các vật chứng thu được, nên sự vắng mặt của những người này tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời trình bày của bị hại, người liên quan và còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Đã đủ căn cứ xác định vào khoảng 17 giờ 40 phút ngày 14 tháng 5 năm 2021, bị cáo L và bị cáo P lợi dụng sơ hở để trộm xe mô tô Air Blade, biển số 67D1-027.11 của chị Trúc L đem cầm cho anh P với số tiền 1.000.000 đồng.

Các bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi cố ý, lén lút, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, người quản lý tài sản để lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 67D1-027.11, trị giá 14.500.000 đồng là thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát thành phố L và lời luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, xét thấy, các bị cáo có sức khỏe, nhận thức và làm chủ được hành vi, có khả năng lao động để tạo ra thu nhập chính đáng lo cho bản thân và gia đình. Nhưng các bị cáo không nhận thấy điều này, thích lối sống hưởng thụ, không chịu lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân, mua ma túy sử dụng nên các bị cáo lợi dụng sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản để lấy trộm. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh khi quan sát thấy Công ty Biochen Việt Á không khóa cửa, bị cáo lén vào lấy trộm xe Honda Air Blade biển số 67D1-027.11. Các bị cáo biết rõ trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để chiếm đoạt. Hành vi của các bị cáo cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh, an toàn xã hội tại địa phương, gây lo lắng cho nhân dân trong việc giữ gìn tài sản, ảnh

hưởng xấu đến đời sống xã hội. Do đó cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người dân tuân thủ pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này bị cáo C và bị cáo P là đồng phạm, cùng cố ý thực hiện trộm cắp tài sản. Bị cáo C là người rủ bị cáo P tìm tài sản lấy trộm, bị cáo P là người thực hiện hành vi dùng đoạn bẻ khóa lấy trộm xe mô tô đem về nhà cất giấu. Sau khi trộm được xe, bị cáo C đem xe cầm cho anh P 1.000.000 đồng chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Do tính chất, mức độ tham gia của bị cáo C giữ vai trò chính trong vụ án, nên cần áp dụng trách nhiệm hình sự của bị cáo C nặng hơn bị cáo P.

[6] Về nhân thân các bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy, ngày 30 tháng 11 năm 2018 bị cáo C bị Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử sơ thẩm xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, nên lần phạm tội này của bị cáo C thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo P không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo P còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Đối với người bán ma túy cho bị cáo C và bị cáo P chưa rõ nhân thân nên Cơ quan Điều tra tiếp tục làm rõ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8] Trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Dương Thị Trúc L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Trần Văn P không yêu cầu các bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng là số tiền nhận cầm xe do các bị cáo lấy trộm, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L có thu giữ đồ vật, tài liệu theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

- Đối với 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh rêu; 01 (một) quần sọt Jean, màu xám bạc; 01 (một) gương chiếu hậu xe máy màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen; 01 (một) ống điều chỉnh L Rebel 8 ly, dài 165 mm. Xét thấy, đây là công cụ bị cáo dùng để phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Savi, màu đỏ, biển số 67AA-036.29, số khung B1YPC1004560, số máy 139FMB004560. Xét thấy, đây là tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho ông Võ Văn C theo điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu trắng hồng. Xét thấy, đây là tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo P theo điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Riêng số tiền các bị cáo cầm xe được 1.000.000 đồng, xét thấy, đây là khoản tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc trộm cắp tài sản, nên buộc các bị cáo C, P liên đới nộp lại 1.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo Võ Văn C và Lâm Kỳ P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn C và Lâm Kỳ P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Võ Văn C); khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Lâm Kỳ P).

Điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt:

[1.1]. Bị cáo Võ Văn C 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 5 năm 2021.

[1.2]. Bị cáo Lâm Kỳ P 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 5 năm 2021.

[2] Về xử lý vật chứng: Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[2.1]. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh rêu; 01 (một) quần sọt Jean, màu xám bạc; 01 (một) gương chiếu hậu xe máy màu đen; 01 (một) nón bảo

hiếm màu đỏ; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen; 01 (một) ống điều chữ L Rebel 8 ly, dài 165 mm.

[2.2]. Trả lại cho ông Võ Văn L 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Savi, màu đỏ, biển số 67AA-036.29, số khung B1YPC1004560, số máy 139FMB004560.

[2.3]. Trả lại cho bị cáo Lâm Kỳ P 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu trắng hồng.

[3] Buộc các bị cáo Võ Văn C và bị cáo Lâm Kỳ P liên đới nộp lại 1.000.000đ (một triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

[4] Về án phí: Bị cáo Võ Văn C và bị cáo Lâm Kỳ P mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; 7b Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh A;
- VKS ND tỉnh A;
- VKS ND Tp. L;
- Sở Tư pháp tỉnh A;
- Nhà Tạm giữ CA.TP L;
- Cơ quan THA.HS công an TP L;
- CQĐT Công an Tp. L;
- Chi cục THA DS Tp. L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu HS - VP; Bộ phận THA.TA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa